

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 11 - 2019.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thạch Thị Thúy Ái.

2. Bà Ngô Thị Mỹ Lợi.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thanh Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Hoàng Huy N - sinh năm: 1994 (*có mặt*).

Địa chỉ: Số 14/5, đường T, khóm B, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Quốc B - sinh năm: 1992 (*có đơn xin vắng mặt*).

Địa chỉ: 233A, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn là chị Lê Hoàng Huy N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh B quen biết và tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm thì tổ chức đám cưới vào ngày 31/12/2013, đăng ký kết hôn vào ngày 18/6/2014 tại UBND Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn, vợ

chồng lên Sài Gòn làm công nhân. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau, anh B cũng không lo lắng, quan tâm gì đến vợ và con. Chị N nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm lẫn nhau; chị N không thể tiếp tục chung sống với anh B, vợ chồng không thể hàn gắn trở lại chung sống với nhau. Chị N yêu cầu được ly hôn anh B.

Nay, chị N xác định không còn tình cảm với anh B; chị N không thể tiếp tục chung sống với anh B, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh B không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu được ly hôn anh B.

- Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, có 01 con chung tên Đặng Hoàng Thiên A - sinh ngày: 30/7/2014. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền nuôi con chung; chị N yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Thiên A đủ 18 tuổi.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn là anh Đặng Quốc B không đến Tòa án tham gia hòa giải nhưng có văn bản ý kiến trình bày:

- Về hôn nhân: Anh B đồng ý ly hôn chị Lê Hoàng Huy N.

- Về nuôi con chung: Khi ly hôn, anh B đồng ý giao con chung tên Đặng Hoàng Thiên A - sinh ngày: 30/7/2014 cho chị N được quyền nuôi con chung sau khi ly hôn. Anh B đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Thiên A đủ 18 tuổi.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh B xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn là anh Đặng Quốc B không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt: Theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị N và anh B.

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của chị N, anh B về việc nuôi con chung sau ly hôn. Anh B có trách nhiệm giao

cháu Đặng Hoàng Thiên A - sinh ngày: 30/7/2014 cho chị N được nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Anh B có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh B về việc đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Thiên A đủ 18 tuổi.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do các bên đương sự, chị N và anh B cùng xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Lê Hoàng Huy N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đặng Quốc B là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là anh Đặng Quốc B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị N và anh B chung sống vợ chồng từ năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/6/2014 tại UBND Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh B được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị N và anh B đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi gây gổ nhau trong mọi việc, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và kéo dài làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau, anh B cũng không lo lắng, quan tâm gì đến vợ và con.

Tại phiên tòa, chị N xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh B không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N không thể tiếp tục chung sống với anh B. Chị N yêu cầu được ly hôn anh B.

Về phía anh B: Quá trình tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, anh B đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng do

Tòa án tổng đạt trực tiếp cho anh B theo quy định của pháp luật; Anh B biết rất rõ việc chị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh B; đồng thời anh B cũng đồng ý ly hôn chị N nhưng không đến Tòa án để cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh, không tham dự các buổi hòa giải nên Tòa án không thể công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Giữa chị N và anh B cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu chị N và anh B đoàn tụ tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay, chị N xác định là không còn tình cảm với anh B, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh B không có hạnh phúc, chị N không còn quan tâm, thương yêu, lo lắng cho anh B, chị N cương quyết xin được ly hôn anh B; trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị N cũng không về sống chung với anh B. Về phía anh B cũng đồng ý ly hôn chị N. Do đó, xét thấy việc chị N và anh B thuận tình ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Khi ly hôn, chị N có yêu cầu được nuôi con chung tên Đặng Hoàng Thiên A - sinh ngày: 30/7/2014. Chị N yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Thiên A đủ 18 tuổi. Về phía anh B cũng đồng ý giao con chung tên Đặng Hoàng Thiên A - sinh ngày: 30/7/2014 cho chị N được quyền nuôi con chung sau khi ly hôn. Anh B đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Thiên A đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị N và sự tự nguyện đồng ý cấp dưỡng và giao cháu Thiên A cho chị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu A trong sinh hoạt, học tập nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh B về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Anh B được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án

quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị N và anh B cùng xác định là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận chị Lê Hoàng Huy N và anh Đặng Quốc B thuận tình ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Buộc anh Đặng Quốc B có trách nhiệm giao con chung tên Đặng Hoàng Thiên A - sinh ngày: 30/7/2014 cho chị Lê Hoàng Huy N nuôi dưỡng.

- Chị Lê Hoàng Huy N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Đặng Hoàng Thiên A - sinh ngày: 30/7/2014.

- Anh Đặng Quốc B có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đặng Quốc B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 (*Một triệu*) đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Thiên A đủ 18 tuổi.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Hoàng Huy N nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị N đã nộp ngày 03/9/2019 theo biên lai thu số 0009915 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

- Anh Đặng Quốc B nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về cấp dưỡng nuôi con*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Quốc B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND Phường B, TP V, tỉnh V;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Trần Quốc Danh